

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 08/12    | 1 ngày | 1T  | 3T  | YTD  |
|-------------------|----------|--------|-----|-----|------|
| VNIndex (điểm, %) | 1,753.74 | 0.7    | 9.7 | 7.1 | 38.4 |
| GTGD (tỷ đồng)    | 21,532   |        |     |     |      |
| VN30 (điểm, %)    | 1,983.82 | 0.4    | 8.7 | 8.7 | 47.5 |

## Các chỉ số

|                          | 08/12       | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD     |
|--------------------------|-------------|--------|--------|--------|---------|
| TPCP 1 năm (% , đcb)     | 2.07        | 0.82   | (0.36) | 0.92   | 0.54    |
| TPCP 3 năm (% , đcb)     | 2.30        | 0.40   | 0.43   | 0.84   | 1.63    |
| USD/VND (%)              | 26,362.00   | 0.00   | (0.24) | 0.09   | (3.32)  |
| JPY/VND (%)              | 169.05      | 0.28   | 0.91   | 6.56   | (3.88)  |
| EUR/VND (%)              | 30,667.00   | 0.11   | (0.85) | 1.15   | (13.46) |
| CNY/VND (%)              | 3,727.48    | 0.06   | (0.91) | (0.60) | (6.33)  |
|                          | Phiên trước | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD     |
| TPKB Mỹ 10 năm (% , đcb) | 4.17        | 0.09   | 1.75   | 1.97   | (8.77)  |
| WTI (USD/thùng, %)       | 58.87       | (0.02) | (1.47) | (6.00) | (17.92) |
| Vàng (USD/oz, %)         | 4,192.04    | (0.28) | 2.72   | 14.79  | 60.50   |

## Giao dịch NĐT tổ chức trong nước

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| VIC      | 147.5     | MBB      | (116.4)   |
| VJC      | 103.8     | VPB      | (107.8)   |
| HAH      | 90.9      | VPL      | (104.6)   |
| HDB      | 56.9      | HPG      | (68.5)    |
| VCI      | 43.7      | SHB      | (63.0)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| SHB      | 186.3     | VPL      | (1,548.9) |
| MBB      | 160.4     | VIC      | (184.9)   |
| VPB      | 110.4     | SSI      | (167.9)   |
| HPG      | 77.9      | GMD      | (92.8)    |
| CTG      | 53.2      | KBC      | (63.3)    |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng   | %    | Top 5 ngành giảm        | %      |
|--------------------|------|-------------------------|--------|
| Vật liệu           | 5.31 | Dịch vụ viễn thông      | (1.82) |
| Tài chính khác     | 4.35 | Dịch vụ tiêu dùng       | (1.38) |
| Dịch vụ thương mại | 1.98 | Truyền thông & giải trí | (1.05) |
| Khác               | 1.49 | Vận tải                 | (0.90) |
| Thiết bị & DV y tế | 0.87 | Ngân hàng               | (0.88) |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Sắc xanh đầu tuần

### Vĩ mô & Chiến lược

- Chứng quyền có bảo đảm:** Dòng tiền duy trì nhịp tăng

### Lịch sự kiện

## Ước tính tổng lợi nhuận doanh nghiệp các cổ phiếu trong VN30

|      | LNHĐ LN ròng<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(% n/n) | PE<br>(x) | PB<br>(x) | EV/EBITDA<br>(x) | ROE<br>(%) |
|------|---------------------------|-----------------------|---------------------|-----------|-----------|------------------|------------|
| 2022 | 2,063                     | 277                   | 116.6               | 9.8       | 1.6       | 1.4              | 18.4       |
| 2023 | 2,334                     | 277                   | 102.0               | 11.7      | 1.6       | 1.3              | 14.3       |
| 2024 | 1,259                     | 334                   | 123.1               | 11.7      | 1.6       | 1.5              | 14.8       |
| 2025 | 1,259                     | 385                   | 136.1               | 13.4      | 2.2       | 1.9              | 16.1       |

Nguồn: KIS RESEARCH, Bloomberg

## Các chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 1Q24   | 2Q24   | 3Q24   | 4Q24   | 1Q25   | 2Q25   | 3Q25   |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 5.7    | 6.9    | 7.4    | 7.6    | 7.1    | 8.0    | 8.2    |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | 8.1    | 4.2    | 8.9    | 4.0    | 3.2    | 4.4    | 8.9    |
| CPI (% n/n. TB)             | 3.8    | 4.4    | 3.5    | 2.9    | 3.2    | 3.3    | 3.3    |
| Tín dụng (%)                | 12.5   | 15.3   | 16.1   | 13.8   | 16.3   | 17.5   | 13.4   |
| USD/VND (tỷ)                | 24,786 | 25,458 | 24,093 | 25,386 | 25,565 | 26,121 | 26,424 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 1.6    | 1.9    | 2.8    | 2.5    | (0.3)  | 2.2    | 2.9    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 4.9    | 4.7    | 4.6    | 4.8    | 5.4    | 5.2    | 4.8    |

Nguồn: KIS RESEARCH, Bloomberg

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

#### Sắc xanh đầu tuần

Thị trường khởi đầu tuần mới với lực cầu lan tỏa sang nhiều nhóm cổ phiếu. Trong đó, nhóm Bất động sản tiếp tục trở thành điểm sáng khi có một số mã tăng điểm mạnh.

Kết phiên, VNIndex tăng 0.71%, đóng cửa ở ngưỡng 1,753 điểm. Trong khi đó, VN30Index tăng 0.42%, đóng cửa tại 1,983 điểm. Khối lượng và giá trị giao dịch trong phiên đạt 742 triệu cổ phiếu/21,531 tỷ đồng, giảm lần lượt 1%/9% so với trung bình của năm phiên giao dịch trước đó.

Khối ngoại bán ròng, với hơn 1,881 tỷ đồng, ở các mã VPL, VIC và SSI với giá trị lần lượt là 1,548 tỷ đồng, 184 tỷ đồng và 167 tỷ đồng. Ngược lại, họ tập trung mua các mã SHB, MBB và VPB với giá trị lần lượt là 186 tỷ đồng, 160 tỷ đồng và 110 tỷ đồng.

Bất động sản ghi nhận tăng điểm, ở VIC (+6.93%), VHM (+2.80%), CII (+0.95%) và NLG (+0.70%).

Bên cạnh đó, dòng vốn còn đổ vào các cổ phiếu vốn hóa lớn như SAB (+6.83%), PLX (+4.80%), GAS (+2.19%), MBB (+0.60%) và VNM (+0.16%).

Ở hướng ngược lại, Chứng khoán có tỷ suất sinh lời kém, bao gồm VIX (-3.48%), VCI (-1.74%), VND (-1.58%), HCM (-1.53%) và TCX (-0.22%).

Ngân hàng ghi nhận giảm điểm, do LPB (-3.74%), VIB (-1.61%), TCB (-1.44%), TPB (-1.15%), STB (-1.02%), SHB (-0.90%), SSB (-0.85%), BID (-0.79%), CTG (-0.78%), VCB (-0.69%), ACB (-0.62%), HDB (-0.61%) và VPB (-0.50%).

Mặc dù thị trường duy trì chuỗi 9 phiên tăng điểm liên tiếp, song áp lực bán vẫn xuất hiện trong phiên khiến cho đà tăng bị thu hẹp. Ngoài ra, thanh khoản có dấu hiệu suy giảm, cho thấy dòng tiền vẫn còn thận trọng. Trong bối cảnh này, nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng trong danh mục và quan sát thêm tín hiệu từ thị trường.

## Vĩ mô & Chiến lược

### Chứng quyền có bảo đảm

#### Dòng tiền duy trì nhịp tăng

Trong tuần 49, thanh khoản trên thị trường ghi nhận bốn tuần tăng liên tiếp. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 261.4 triệu chứng quyền/506.9 tỷ đồng, tăng lần lượt 13.5%/ 18.5% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, MWG và MBB là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 27% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như HPG, STB, VNM và MSN.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CVPB2525 (+459.1%), CMBB2519 (+54.7%) và CVPB2521 (+44.9%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CLPB2505 (-20.0%), CVPB2522 (-19.5%) và CVNM2510 (-17.2%).

Trong tuần vừa qua, thanh khoản trên thị trường chứng quyền tiếp tục cải thiện, đồng thời nhóm chứng quyền tăng giá cũng chiếm ưu thế. Diễn biến này cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang dần tích cực hơn và dòng tiền có xu hướng quay trở lại thị trường chứng quyền. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVIC2511, CMWG2509 và CMBB2518. Ở hướng ngược lại, các mã như CVIC2516, CTCB2521 và CVIC2515 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 274 mã chứng quyền được định giá.

## Lịch sự kiện

### ► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                   | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|------------|----------------|-----|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| 09/12/2025 | 26/12/2025     | TNW | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (112/cp)  | 1.12%           | 112     |
| 09/12/2025 |                | DGW | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 09/12/2025 | 09/12/2025     | VTR | UPCoM | Phát hành cổ phiếu                 | 15.00%          |         |
| 09/12/2025 | 29/12/2025     | DCH | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (150/cp)  | 1.50%           | 150     |
| 09/12/2025 | 24/12/2025     | THG | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1000    |
| 09/12/2025 | 24/12/2025     | DRL | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1200/cp) | 12.00%          | 1200    |
| 09/12/2025 | 05/01/2026     | SGS | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 10/12/2025 | 10/12/2025     | POW | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 4.00%           |         |
| 10/12/2025 | 10/12/2025     | POW | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 15.00%          |         |
| 10/12/2025 | 10/12/2025     | POW | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 12.00%          |         |
| 10/12/2025 | 30/12/2025     | ARM | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1000    |
| 10/12/2025 |                | DWC | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 10/12/2025 | 31/12/2025     | DRG | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (87/cp)   | 0.87%           | 87      |
| 10/12/2025 | 30/12/2025     | DTG | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 11/12/2025 | 11/12/2025     | TLG | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 10.00%          |         |
| 11/12/2025 |                | SBM | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 11/12/2025 | 11/12/2025     | CHP | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 7.32%           |         |
| 11/12/2025 | 25/12/2025     | TV1 | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (600/cp)  | 6.00%           | 600     |
| 11/12/2025 |                | HAF | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 12/12/2025 |                | TIN | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 12/12/2025 | 29/12/2025     | XMC | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 12/12/2025 | 12/12/2025     | VC2 | HNX   | Phát hành cổ phiếu                 | 10.00%          |         |
| 12/12/2025 | 29/12/2025     | VC3 | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 12/12/2025 |                | CYC | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 12/12/2025 |                | AIG | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 12/12/2025 | 25/12/2025     | AVC | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1500/cp) | 15.00%          | 1500    |
| 12/12/2025 | 05/01/2026     | THP | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (300/cp)  | 3.00%           | 300     |
| 12/12/2025 | 18/12/2025     | MAS | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 12/12/2025 | 09/01/2026     | CC1 | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |

|            |            |     |       |                                      |       |     |
|------------|------------|-----|-------|--------------------------------------|-------|-----|
| 12/12/2025 |            | CNG | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng<br>văn bản   |       |     |
| 12/12/2025 | 15/01/2026 | PVM | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(600/cp) | 6.00% | 600 |
| 12/12/2025 | 15/01/2026 | TVT | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(500/cp) | 5.00% | 500 |

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Giữ hoặc Bán.

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

**■ Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.